TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/03/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nam Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 204/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 43A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn T,** sinh năm 1987,

Địa chỉ: Khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **P, Shih-wo,** sinh năm 1985,

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); Hộ chiếu số 303118800 do Bộ N cấp ngày 01/6/2011.

Địa chỉ cư trú: Số D, đường T, khu Đ, thành phố C, Đài Loan.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Hoàng Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị P, Shih-wo quen biết trong thời gian anh lao động tại Đài Loan. Năm 2009, anh và chị P, Shih-wo sinh sống với nhau như vợ chồng sau đó đến cuối năm 2011 anh chị về Việt Nam làm đám cưới và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh H vào ngày 22/8/2012. Sau khi kết hôn, anh và chị P, Shih-wo sinh sống tại thị trấn C, huyện C Sau khi chị P, Shih-wo sinh cháu Hoàng Duy K được 02 tháng thì chị P, Shih-wo chuyển về Đài Loan sinh sống, đem cả con đi theo và không trở về sinh sống cùng anh nữa. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không còn liên lạc hay quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P, Shih-wo. Do tình cảm không thể níu kéo, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, anh T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị P, Shih-wo có 01 con chung là Hoàng Duy K, sinh ngày 30/9/2012 hiện nay đang ở với mẹ. Khi ly hôn, trước đây anh T có mong muốn được nuôi con chung và không yêu cầu chị P, Shih-wo cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Tuy nhiên đến nay, do cháu K đã ở với mẹ từ nhỏ nên anh T đề nghị giao con cho chị P, Shih-wo tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị P, Shih-wo 4.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị P, Shih-wo; Về con chung: Giao cho chị P, Shih-wo trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Hoàng Duy K, sinh ngày 30/9/2012 cho đến khi trưởng thành. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng chị P, Shih-wo là 4.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí, chi phí ủy thác tư pháp: anh T phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con, chi phí ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn T cung cấp địa chỉ của chị P, Shih-wo tại: Số D, đường T, khu Đ, thành phố C, Đài Loan. Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan) (là địa chỉ trước khi về Việt Nam kết hôn và là địa chỉ của chị P, S khai trong giấy đăng ký kết hôn). Ngoài địa chỉ trên anh T không cung cấp được địa chỉ nào khác. Tòa án đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tới Bộ tư pháp để thực hiện ủy thác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được phản hồi về kết quả ủy thác. Ngày 16 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã tiếp tục có công văn số 205/2024/CV-TA " V/v tương trợ tư pháp (lần 2)" gửi Văn phòng Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đ; Cục L - Bộ ngoài giao, với nội dung đề nghị Văn phòng Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đ tiến hành niêm yết và đăng trên Cổng thông tin điện tử hồ sơ uỷ thác tư pháp của chị P, Shih-wo. Ngày 17 tháng 02 năm 2025 Tòa án đã nhận được công điện số 366-2025/CĐ-LS của Văn phòng K1 tại Đ, thể hiện việc Văn phòng K1 tại Đ đã đăng/niêm yết văn bản ủy thác trên Cổng thông tin điện tử. Tuy nhiên, Văn phòng không nhận được phản hồi. Ngày 07/03/2025, Bộ Tư pháp có văn bản thông báo cho Toà án biết việc Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện uỷ thác tư pháp vào ngày 09/12/2024 bằng phương thức gửi hồ sơ uỷ thác vào đồn công an. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên toà không có lý do, không có văn bản gửi về Toà án trình bày ý kiến. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T và chị P, Shih-wo theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị P, Shih-wo tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh H vào ngày 22/8/2012, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, anh và chị P, Shih-wo sinh sống tại thị trấn C, huyện C Sau khi chị P, Shih-wo sinh con Hoàng Duy K được 02 tháng thì chị P, Shih-wo chuyển về Đài Loan sinh sống, đem cả con đi theo và không trở về Việt Nam. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn liên lạc hay quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, anh T đề nghị Tòa án giải

quyết cho anh được ly hôn với chị P, Shih-wo. Xét thấy, từ năm 2018 chị P, Shih-wo đã trở về Trung Quốc (Đài Loan), vợ chồng không liên lạc với nhau. Do vậy có thể nói mâu thuẫn giữa anh T và chị P, Shih-wo đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

- Về quan hệ con chung:

Anh T và chị P, Shih-wo có 01 con chung là Hoàng Duy K, sinh ngày 30/9/2012 hiện nay đang ở với mẹ. Khi ly hôn, anh T đề nghị giao con cho chị P, Shih-wo tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị P, Shih-wo 4.000.000 đồng/tháng. Do cháu K sống cùng mẹ, Toà án đã ủy thác lấy lời khai cháu K nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Hoàng Duy K đã sống ổn định với mẹ từ nhỏ tại Trung Quốc (Đài Loan). Do đó, giao cho chị P, Shih-wo được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho đến khi trưởng thành.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử, xét thấy: Anh T không trực tiếp nuôi con, phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P, Shih-wo. Chấp nhận mức cấp dưỡng tự nguyện là 4.000.000 đồng/tháng. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí, lệ phí uỷ thác: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị P, Shih-wo.

2. Về con chung: Giao cho chị P, Shih-wo được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Hoàng Duy K, sinh ngày 30/9/2012 thời gian từ tháng 03/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung cùng chị P, Shih-wo là 4.000.000 đồng/tháng thời gian từ tháng 03/2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000631 ngày 17/04/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (anh T đã nộp đủ).

Về lệ phí ủy thác tư pháp: Anh Hoàng Văn T phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000694 ngày 17/05/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (anh T đã nộp đủ).

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung (anh T chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị P Shis-wo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND tỉnh Hải Dương
(*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường